

NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG - TỔNG QUAN LÝ THUYẾT VÀ KHẢ NĂNG ÁP DỤNG Ở VIỆT NAM

NGUYỄN NGỌC DIỄM*

Dù đạt thành công trong sản lượng và có nhiều nông sản xuất khẩu đứng hàng đầu thế giới, ngành nông nghiệp Việt Nam vẫn đang đối diện với các vấn đề về chất lượng và cạnh tranh giá trị sản phẩm. Việc áp dụng các mô hình nông nghiệp xanh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, nông nghiệp thuận tự nhiên là các tiếp cận nông nghiệp bền vững nhằm cải thiện phương thức canh tác và chất lượng sản phẩm trong nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, nông nghiệp bền vững còn hướng đến giải quyết nhiều vấn đề xã hội như sinh kế, bản sắc địa phương, bảo vệ môi trường... Bài viết giới thiệu tổng quan về lý thuyết nông nghiệp bền vững, các mô hình, khái niệm tiếp cận về vấn đề này, trên cơ sở đó đề xuất một số khả năng áp dụng nông nghiệp bền vững ở Việt Nam thời gian tới.

Từ khóa: nông nghiệp bền vững, nông nghiệp xanh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, nông nghiệp thuận tự nhiên

Nhận bài ngày: 05/9/2022; đưa vào biên tập: 07/9/2022; phản biện: 26/9/2022; duyệt đăng: 10/10/2022

1. DẪN NHẬP

Là một nước có nền kinh tế cơ bản là nông nghiệp nhưng hiện nay nông nghiệp Việt Nam nhìn chung vẫn theo phương pháp thủ công, truyền thống; phương thức canh tác lạc hậu so với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực. Hoạt động nông nghiệp của Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên, sự thành công hay thất bại bị chi phối bởi các điều kiện, yếu tố tự nhiên... Để bảo vệ cây trồng trong điều kiện khoa học, công nghệ hạn chế, người nông dân chọn giải pháp dựa vào các chất hóa học. Bên cạnh đó, tình trạng “được mùa mất giá”, nông sản làm ra phải đổ bỏ hay kêu gọi giải cứu

cứ tái diễn. Tuy nhiên, nông nghiệp là hoạt động kinh tế quan trọng, bảo đảm an ninh lương thực, góp phần giải quyết các cuộc khủng hoảng như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh... nên phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam là một hướng đi cần được theo đuổi và ủng hộ về mặt chính sách. Đó không chỉ là một nhu cầu của xã hội, mà còn là chiến lược chính trị - kinh tế - xã hội.

Tính bền vững nông nghiệp không chỉ ở chính hoạt động nông nghiệp và đầu ra cho sản phẩm, mà còn đảm bảo quyền lợi, sức khỏe cho người tiêu dùng và môi trường sống (không chỉ cho hiện tại mà cho các hệ thế tương lai). Các vấn đề an toàn thực phẩm ngày càng được quan tâm, một phần nhờ vào các chính sách môi trường, chăm sóc sức khỏe, một phần do sự phát triển kinh tế, mức

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

sống tăng lên, người dân đầu tư nhiều hơn cho sức khỏe. Theo đó các mô hình “nông nghiệp thuận tự nhiên”, “nông nghiệp sạch”, “nông nghiệp xanh”, “nông nghiệp công nghệ cao”... lần lượt được áp dụng ngày càng phổ biến. Những mô hình dưới nhiều tên gọi này có thể hiểu chung là nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, mang lại sản phẩm nông nghiệp giá trị cao, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, có thể gọi chung là nông nghiệp bền vững. Tuy nhiên, mỗi cách gọi vẫn chưa phản ánh đầy đủ các yêu cầu, tiêu chí bền vững. Các mô hình nêu trên chủ yếu tập trung vào khâu sản xuất và làm thỏa mãn nhu cầu người tiêu dùng có yêu cầu cao, nói cách khác là tập trung vào thương hiệu hơn là các chiến lược phát triển cộng đồng nông nghiệp lâu dài. Chính vì vậy, nghiên cứu lý thuyết nông nghiệp bền vững giúp mang lại cách hiểu sâu hơn về vấn đề này, nhằm đặt ra các mục tiêu dài hạn và hiệu quả hơn cho nền nông nghiệp Việt Nam.

2. CÁC LÝ THUYẾT VỀ NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

Các ảnh hưởng môi trường cùng với vấn đề dịch bệnh đã và đang làm bộc lộ nhiều vấn đề về hình thức canh tác và sản xuất nông nghiệp truyền thống... Nhiều yêu cầu đổi mới đặt ra cho nền nông nghiệp để có những thay đổi phù hợp nhằm tăng chất lượng sản phẩm nông nghiệp và tăng chuỗi giá trị nông nghiệp. Nông nghiệp bền vững đang trở thành mục tiêu chung của nhiều quốc gia, kể cả những nước phát triển⁽¹⁾. Nghiên cứu và áp dụng lý thuyết nông nghiệp bền vững trở thành mối quan

tâm trong các chiến lược nông nghiệp của nhiều quốc gia ở Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc và các nước phát triển tại khu vực Châu Á như Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc... và những nước đang phát triển như Thái Lan, Indonesia...

Khái niệm “nông nghiệp bền vững” (sustainable agriculture) được Wes Jackson đưa ra năm 1978 trong bài *Toward a Sustainable Agriculture* (Hướng tới một nền nông nghiệp bền vững) và Jackson được xem là người đầu tiên sử dụng thuật ngữ này (Gomiero, 2021). Năm 1980, trong *New Roots for Agriculture (Farming and Ranching)* (Những gốc rễ mới cho nông nghiệp) khái niệm “nông nghiệp bền vững” được Wes Jackson phân tích sâu hơn.

Trong một bài báo năm 1983, Rodale đề xuất khái niệm “nông nghiệp tái sinh”, đề cập đến nhu cầu nông nghiệp dựa trên nguyên tắc tương tác sinh thái (Harwood, 1990). Khái niệm này hướng tới áp dụng các thực hành nông nghiệp nhằm bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là đất và nước, bằng cách dựa vào các yếu tố đầu vào nhân tạo tối thiểu từ bên ngoài hệ thống trang trại và phục hồi sau những xáo trộn do trồng trọt và thu hoạch, trong khi khả thi về mặt kinh tế và xã hội (Gomiero và cộng sự, 2011).

“Nông nghiệp bền vững” sau đó được Ban Nông nghiệp của Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia (Board on Agriculture of the National Research Council) thúc đẩy nghiên cứu và thể hiện dưới tên gọi là “Alternative Agriculture” (Nông nghiệp chuyển đổi) nhằm hướng dẫn cách canh tác dựa vào vận hành của hệ sinh thái tự nhiên và được giới thiệu ở Dự

luật Nông nghiệp Hoa Kỳ 1990 (The US Agriculture 1990 Farm Bill) (Gomiero và cộng sự, 2011).

Các nghiên cứu sau này tập trung hơn vào công nghệ, chuỗi giá trị nông nghiệp. Các nhà nghiên cứu cũng cố gắng đơn giản hóa cách hiểu nhưng lồng ghép nhiều chỉ số hơn cho quá trình thực hành. Cùng với sự thống nhất trong khái niệm “phát triển bền vững” (sustainable development) được Liên Hiệp Quốc công nhận, thì khái niệm “nông nghiệp bền vững” được lồng ghép nhiều chỉ số môi trường và mục tiêu hướng xa hơn đến sự bảo đảm cho các thế hệ tương lai. Runowski xem “nông nghiệp bền vững” là hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao, và mang tính bền vững, lâu dài, có tính đến cơ cấu kinh tế và xã hội sao cho duy trì được nguồn tài nguyên tái tạo và không tái tạo (dẫn theo Kociszewski, 2018); và về lâu dài, phải đảm bảo một mức sản xuất mong muốn, cũng như đáp ứng nhu cầu xã hội mà không làm suy giảm chất lượng và định lượng tài nguyên môi trường cơ bản. Ở quy mô nhỏ, nông nghiệp bền vững dựa trên các phương pháp sản xuất thân thiện với môi trường mang lại thu nhập tương xứng cho nông dân và thuận lợi cho hoàn cảnh xã hội; dựa trên các trang trại quy mô vừa và nhỏ, có ảnh hưởng đến việc phân phối thu nhập từ nông nghiệp và các hoạt động kinh tế khác một cách rộng rãi và tương đối công bằng. Chính vì những yếu tố này mà nông nghiệp bền vững có vai trò rất quan trọng, không chỉ giúp giải quyết các vấn đề môi trường trước mắt, ủng hộ các quy định bảo vệ môi

trường, mà còn hướng tới giải quyết vấn đề sinh kế lâu dài, đa dạng hóa hoạt động kinh tế địa phương bao gồm trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, dịch vụ...

“Nông nghiệp bền vững” không dừng lại ở những khái niệm gắn với nó như “nông nghiệp chuyển đổi” hay “nông nghiệp tái sinh” đã nêu trước đó, mà còn nhiều khái niệm được dùng để chỉ cùng một nội dung nông nghiệp bền vững như “nông nghiệp tổng hợp”, “nông nghiệp chính xác”, “nông nghiệp hữu cơ” (Altieri, 1987; Gomiero và cộng sự, 2011; Pretty, 2008). Tuy nhiên, cần cân nhắc khi vận dụng các khái niệm này vì khái niệm “nông nghiệp bền vững” có ý nghĩa rộng và bao trùm các thuật ngữ đó. Thậm chí, nhiều nội hàm của các khái niệm có thể mâu thuẫn nhau, chẳng hạn khái niệm “nông nghiệp bền vững” khác với “nông nghiệp hữu cơ” ở điểm trước đây không đề cập đến một bộ thực hành quy định trong một số hình thức nông nghiệp được thừa nhận là bền vững, các hóa chất nông nghiệp (tức là phân bón tổng hợp và thuốc trừ sâu) vẫn có thể được sử dụng ở mức hợp lý, như trường hợp quản lý dịch hại tổng hợp (xem Gomiero và cộng sự, 2011).

“Nông nghiệp bền vững” còn gắn với “nông thôn bền vững”. Các hoạt động không chỉ hướng tới nguồn thực phẩm hay chất lượng thực phẩm, mà còn vấn đề an sinh, bao gồm sinh kế và chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn. Khi có những biến cố (như dịch COVID-19), người dân có thể tự chủ động nguồn lương thực, thực phẩm hay chính quyền địa phương có sẵn kho dự trữ để phân phối.

Với những quan điểm trên, câu hỏi được đặt ra trong phát triển nông thôn bền vững là: Làm thế nào để chia nguồn vốn thành hai phần - tự nhiên và nhân sinh. Việc làm rõ hai nguồn vốn có thể giúp vận hành nông nghiệp hiệu quả hơn, nhất là trong bối cảnh nhiều quốc gia, địa phương tập trung tích lũy vốn vật chất, tài chính mà thiếu quan tâm đến vấn đề suy giảm và cạn kiệt vốn tự nhiên, tạo ra những rủi ro và thách thức lớn cho thế hệ tương lai. Việc cân đối nguồn vốn tự nhiên và nhân sinh còn bởi vì hoạt động nông nghiệp, hoạt động canh tác là quá trình tương tác giữa con người với tự nhiên và là hoạt động chủ đạo, diễn ra thường xuyên, xuyên suốt.

Về sau, nhiều khái niệm và mô hình được sử dụng trong nông nghiệp bền vững như: “nông nghiệp bền vững và phát triển nông thôn” (Sustainable Agriculture and Rural Development - SARD), “phát triển nông thôn đa chức năng” (Multifunctional Rural Development-MRD) và “nông nghiệp đa chức năng” (Multifunctional Agriculture). Đây là những khái niệm và mô hình được Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc (FAO) đưa ra. Cụ thể, SARD được đưa ra trong hội nghị do Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc tổ chức tại Rome năm 1989, được mô tả: đó là sự phát triển của các khu vực nông thôn được quản lý với việc sử dụng và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên và với sự giới thiệu của các thay đổi công nghệ và thể chế nhằm đáp ứng nhu cầu của các thế hệ hiện tại và tương lai (FAO, 1989). Sau đó, SARD đã được đưa vào Tuyên bố Rio và trong Chương trình nghị sự

21 vào năm 1992. Có ba ưu tiên chính của quy trình này, gồm (1) an toàn thực phẩm; (2) cung cấp đủ thu nhập, điều kiện sống và làm việc tốt cho tất cả những người làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp; (3) bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường (Zegar, 2003).

Có thể thấy ba khía cạnh của phát triển bền vững ở khái niệm SARD là xã hội, môi trường và kinh tế, bao gồm các mục tiêu quan trọng đối với cả những người sống ở nông thôn (phúc lợi) và bên ngoài nó (an ninh lương thực và bảo vệ môi trường). Môi trường tự nhiên và bán tự nhiên đa dạng (về cảnh quan và văn hóa) là những yếu tố quan trọng của sự phát triển kinh tế của toàn xã hội (Von, 1996). Như vậy, nông nghiệp bền vững không chỉ là gói hoạt động trong quy mô của một hệ thống, mà có ý nghĩa kinh tế - xã hội - văn hóa rất lớn. Đó cũng chính là ý nghĩa mà MRD mang lại.

Khái niệm MRD liên quan đến một số chức năng của khu vực nông thôn, trong đó chức năng xã hội gồm việc làm, dịch vụ cho cộng đồng địa phương, văn hóa nông thôn; chức năng sinh thái, như bảo tồn cảnh quan và đa dạng sinh học, quản lý nước, đồng hóa các chất ô nhiễm; chức năng sản xuất; chức năng khu vực, như định cư, cơ sở hạ tầng; và chức năng du lịch (Kociszewski, 2015). Nó kết nối với các hoạt động kinh tế - xã hội đa dạng góp phần phát triển các khía cạnh không gian, văn hóa xã hội và dân cư. Các chức năng này chính là nguồn thu nhập bên cạnh sản xuất nông nghiệp. Chúng có lợi cho việc duy trì khả năng tồn tại của vùng nông thôn,

đồng thời cung cấp các dịch vụ cho những người tại các khu vực khác (các giá trị văn hóa và môi trường) (Kociszewski, 2018). Điều này còn mang ý nghĩa xây dựng bản sắc kinh tế cộng đồng, kinh tế địa phương để giới thiệu ra bên ngoài.

“Nông nghiệp đa chức năng” là một hệ thống tích hợp các chức năng kinh tế, sản xuất, xã hội, văn hóa và môi trường tự nhiên (Wilkin, 2010: 31). Nó không thể tồn tại nếu không sản xuất thực phẩm hoặc nguyên liệu thô. Trong khi đó, sản xuất có thể mang lại tác động môi trường tiêu cực và tích cực. Nếu tác động tiêu cực, nó gây ảnh hưởng xấu đến văn hóa làng xã truyền thống và làm suy yếu các điều kiện để sản xuất rộng rãi, thân thiện với môi trường. Đó là lý do tại sao cần duy trì tỷ lệ phù hợp giữa các chức năng khác nhau của khu vực nông thôn và có những định hướng hỗ trợ cho nông nghiệp đa chức năng. Do đó, cần thiết phải có chương trình trợ cấp nông trại. Tuy nhiên, quá trình triển khai nên được điều kiện hóa bằng việc tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường cơ bản cho người sản xuất và bằng cách cung cấp các dịch vụ liên quan đến việc cung cấp hàng hóa công cộng (Wilkin, 2010: 31).

Theo định hướng phát triển bền vững, các nông trại (đặc biệt là các nông trại theo chuẩn hữu cơ) có thể chuyển đổi thành các nông trại hoạt động đa chức năng: chế biến thực phẩm, ẩm thực, phục vụ ăn uống, khách sạn, giáo dục, du lịch hoặc thủ công, nhằm đảm bảo nguồn thu nhập bổ sung. Đồng thời, là nơi sẽ cung cấp hàng hóa cho một bộ phận xã hội sống ngoài khu vực, hoặc

xa hơn là các thị tứ, hoặc nếu dồi dào, có thể xuất khẩu.

Lý thuyết nông nghiệp bền vững cũng xem xét các quy luật, trong đó những quy luật cơ bản được nghiên cứu gồm:

- Nghiên cứu quy luật yếu về tính bền vững (weak rule of sustainability), gắn với quan điểm kinh tế học tân cổ điển, cho rằng sự phá hủy vốn tự nhiên được bù đắp (thay thế) bằng cách tạo ra vốn bởi con người thực hiện.

- Nghiên cứu quy luật nhạy cảm về tính bền vững (sensitive rule of sustainability), gắn với kinh tế học Keynes, được chấp nhận trong kinh tế môi trường và một phần trong lý thuyết phát triển bền vững. Việc thay thế các loại vốn khác nhau bị hạn chế nhờ các giải pháp/chính sách thể chế và chính trị. Các giải pháp này nhằm duy trì một tỷ lệ vốn an toàn (không nhất thiết phải bằng nhau) cho các thế hệ tương lai.

- Quy luật bền vững mạnh mẽ (strong rule of sustainability), gắn với kinh tế học sinh thái, hoàn toàn được chấp nhận trong lý thuyết phát triển bền vững, vốn tự nhiên và con người là không thể thay thế. Nó đòi hỏi phải bảo tồn tất cả các loại vốn, cả về số lượng và chất lượng.

- Quy luật bền vững hạn chế (restrictive rule of sustainability), gắn với các vận động sinh thái triệt để, đề ra các quy định cực cao, tất cả các yếu tố của vốn tự nhiên phải được duy trì (cả số lượng và chất lượng).

Nghiên cứu các quy luật giúp nông nghiệp bền vững vận hành hài hòa hơn, có những bổ sung và can thiệp kịp thời theo từng điều kiện cụ thể. Nghiên cứu

của Kociszewski (2018) cho thấy để đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững đồng thời bảo đảm an ninh lương thực, như trường hợp Ba Lan, chỉ một phần trong tổng số nông trại có thể chuyển sang nông nghiệp bền vững. Phát triển nông nghiệp bền vững nên bao gồm sự phát triển của các loại hình sản xuất nông nghiệp quan trọng khác: nông nghiệp công nghiệp, nông nghiệp tổng hợp và hữu cơ. Chuyển đổi “từ nông nghiệp sang kinh doanh nông nghiệp” có thể xem là một hướng. Nông nghiệp công nghiệp dựa trên hiệu quả kinh tế vi mô trong ngắn hạn (nỗ lực tối đa hóa lợi nhuận). Nhiều nông trại có thể sẽ chuyển đổi loại hình sản xuất và những trang trại đã là công nghiệp sẽ tăng cường thâm canh. Nông nghiệp công nghiệp đang hủy hoại môi trường - nó góp phần làm tăng lượng khí thải, ô nhiễm nước, biến đổi khí hậu, ô nhiễm và xói mòn đất, cũng như làm mất đa dạng sinh học. Cả SARD và MRD đều có thể góp phần giảm sản xuất thâm canh với những hậu quả tiêu cực về môi trường. Nền nông nghiệp đa chức năng không thể tồn tại nếu không có sản xuất, vì vậy sẽ thuận lợi hơn cho phát triển bền vững - với điều kiện sản xuất không bất lợi cho môi trường. Để duy trì tỷ lệ phù hợp giữa các chức năng khác nhau của khu vực nông thôn, cần phải có mục tiêu hỗ trợ cho nông nghiệp đa chức năng.

Phân tích trên cho thấy nông nghiệp bền vững cần hiện thực hóa dưới những mô hình và được vận hành tùy điều kiện của địa phương và quốc gia. Yếu tố bền vững cần phải đảm bảo tính cân đối giữa kinh tế, xã hội và môi

trường. Tuy nhiên, tùy điều kiện mà tính ưu tiên có thể áp dụng theo thời điểm và được điều chỉnh khi đạt các mục tiêu nhất định.

3. KHẢ NĂNG ÁP DỤNG NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

Việc áp dụng lý thuyết phát triển nông nghiệp bền vững cùng các khái niệm liên quan vào phát triển nông nghiệp hướng tới các biện pháp hài hòa, cùng các tiêu chí đối chiếu, trong đó bao gồm phát triển kinh tế nông nghiệp, bảo vệ môi trường và tạo môi trường sinh thái địa phương. Nghiên cứu của Kociszewski (2018) gợi ý sử dụng các phương pháp như phân tích mô tả và so sánh dựa trên khảo sát các tài liệu liên quan và các tài liệu chiến lược của các tổ chức quốc tế. Trên cơ sở đó, việc nghiên cứu lý thuyết nông nghiệp bền vững nói chung và việc vận dụng các mô hình từ nhiều quốc gia có thể mang lại cho Việt Nam góc nhìn đa dạng và chọn lựa những mô hình hay tách riêng những đặc tính phù hợp cho bối cảnh và điều kiện nông nghiệp của Việt Nam.

Các nghiên cứu về phát triển nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững được triển khai từ sớm ở Việt Nam. Các nghiên cứu cho thấy “sức ỳ” của ngành nông nghiệp Việt Nam, dù có được lợi thế về tài nguyên (đất, nguồn nước, sinh thái,...) và thời tiết, khí hậu nhưng các vấn đề về công nghệ, con người, tầm nhìn, chiến lược... đều chưa đáp ứng. Tám nhóm vấn đề mà nhóm nghiên cứu Bùi Thị Minh Nguyệt và Trần Minh Hùng (2016) nêu ra từ 2016, gồm: (1) sức cạnh tranh kém, (2) năng suất lao động kém, (3) vốn đầu tư tăng

qua các năm nhưng chưa đủ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành, (4) quy mô sản xuất nhỏ lẻ, phụ thuộc nhiều yếu tố đầu vào như phân, giống, thú y, (5) thị trường đầu ra chưa ổn định và bị động, (6) tác động của các hiệp ước quốc tế khi Việt Nam chưa chuẩn bị đầy đủ nội lực⁽²⁾, (7) kiểm soát dịch bệnh, xử lý môi trường, bảo đảm an toàn thực phẩm còn kém, và (8) kinh phí đầu tư cho khoa học thấp, chất lượng nghiên cứu chưa tương ứng tổng mức đầu tư (do dàn trải), và việc ứng dụng khoa học, công nghệ vào nông nghiệp chưa cao đến thời điểm hiện nay, khi đánh giá và điểm lại vẫn còn tồn tại, nói cách khác, chưa có vấn đề nào được giải quyết dứt điểm dù có cải thiện.

Nghiên cứu trong lĩnh vực chăn nuôi, Nguyễn Xuân Trạch (2017) khẳng định chủ trương thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao sẽ tác động lớn đến đời sống của người nông dân và sự thịnh vượng của cộng đồng nông thôn. Nghiên cứu cho thấy nông nghiệp đa chức năng và có tính liên kết chuỗi được sử dụng trong chăn nuôi truyền thống, như hệ thống canh tác kết hợp giữa chăn nuôi với trồng trọt và đầu ra của quy trình này có thể là đầu vào cho quy trình khác, như phân chuồng thành phân bón. Điều này giúp giảm thiểu chất thải nhờ tái sử dụng và cũng nhờ vậy mà làm giảm bớt nhu cầu đối với nguyên liệu từ bên ngoài và giảm rủi ro cho nông dân. Từ đó giúp cho việc bảo vệ môi trường và duy trì tính đa dạng sinh học nhờ việc sử dụng các nguyên liệu bản địa. Tuy nhiên, mô hình này mang đến những rủi ro khác, như tỷ lệ giữa chi phí cao so với thu nhập, nông

dân chịu rủi ro từ thị trường. Bên cạnh đó, khi quy mô chăn nuôi tăng hay số lượng hộ chăn nuôi trong một cộng đồng tăng thì việc xử lý nguồn thải trở nên mất cân đối và trở thành hiểm họa cho môi trường. Vì vậy, chăn nuôi công nghệ cao bền vững là xu hướng cần thiết. Một vấn đề cũng chỉ ra trong nghiên cứu này là chăn nuôi truyền thống mang lại năng suất thấp, tỷ lệ chi phí cao so với thu nhập... Tuy nhiên, chăn nuôi công nghệ cao có thể làm tăng tỷ lệ thất nghiệp nông thôn do ảnh hưởng đến hoạt động chăn nuôi nhỏ lẻ địa phương khi “chỉ một bộ phận rất nhỏ dân cư có thể được tiếp nhận vào các doanh nghiệp (Orskov, 2001). Việc đưa vào áp dụng các cơ sở chăn nuôi công nghiệp quy mô lớn và hiện đại sẽ gây khó khăn cho những người sản xuất nhỏ vì họ không thể cạnh tranh được đối với các nguồn lực sẵn có cũng như thị trường (Ogle and Phuc, 1997) và họ cũng có thể không có đủ kỹ năng cho các công việc quản lý tinh xảo cần thiết (Preston, 1995)” (dẫn theo Nguyễn Xuân Trạch, 2017: 4). Nghiêm trọng hơn, chăn nuôi công nghệ cao giảm cơ hội công ăn việc làm ở nông thôn và dễ dàng biến vấn đề thất nghiệp nông thôn thành vấn đề thất nghiệp thành thị, thậm chí còn tệ hơn, trong khi các ngành công nghiệp và dịch vụ chưa sử dụng hết số lao động nông thôn dôi dư này (Nguyễn Xuân Trạch, 2017). Tác giả cũng phân biệt chăn nuôi công nghiệp và chăn nuôi công nghệ cao để làm rõ ưu điểm của chăn nuôi công nghệ cao...

Với các vấn đề được đặt ra, làm sao để nông nghiệp công nghệ cao gắn liền với

sự phát triển bền vững cần những chiến lược rõ ràng, mang lại hiệu quả để những người nông dân vận dụng được công nghệ và làm chủ được mảnh đất mà họ canh tác.

Một số nghiên cứu chỉ ra nông nghiệp bền vững có thể chưa phù hợp với điều kiện tại một số vùng nông thôn do các chi phí môi trường và tri thức địa phương trong nông nghiệp truyền thống đã ăn sâu vào thói quen người nông dân. Việc cải tiến kỹ thuật hay các đầu tư ban đầu mang tính lâu dài trong bảo vệ môi trường có thể là rào cản nếu không kèm các chế tài và chính sách hỗ trợ từ phía nhà nước. Việc xiết chặt quy định không kèm chính sách hỗ trợ có thể đưa đến vấn đề xáo trộn sinh kế địa phương và di động lao động nông thôn ra đô thị...

Đầu năm 2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 255/QĐ-TTg về Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025. Mục tiêu chung là tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường, sinh thái; nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn; đảm bảo an ninh lương thực và an ninh quốc phòng. Đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu. Theo đó, Kế hoạch đã đưa ra 3 nhóm sản phẩm gồm nhóm sản phẩm quốc gia, nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh,

và nhóm sản phẩm đặc sản địa phương. Mỗi nhóm sản phẩm có chiến lược riêng. Bên cạnh đó, một loạt các chính sách hỗ trợ nông nghiệp như ưu tiên các dự án phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thuận tự nhiên, nông nghiệp hữu cơ... được tiếp cận nguồn vốn theo hình thức vay không lãi suất hoặc lãi suất thấp... Như vậy, phía nhà nước đã mở ra các “cánh cửa” về mặt chính sách ở cấp độ vĩ mô, phần còn lại là việc tiến hành các nghiên cứu cụ thể, các mô hình thực tế và vận động sự tham gia của xã hội.

Xác định vai trò của công nghệ thông tin trong nông nghiệp, thời gian gần đây, Bộ Thông tin và Truyền thông cũng cho xây dựng các dự án hạ tầng thông tin về đến nông thôn, thúc đẩy nông dân tiếp cận thông tin qua các thiết bị thông minh. Hiện nay, hệ thống bưu điện ngày càng phát triển rộng với các dịch vụ chuyển phát nhanh và truy cứu thông tin đầy đủ, kèm các kênh phân phối trực tuyến (online) về tận các vùng nông thôn. Ngoài nhóm sản phẩm, kế hoạch trên còn cơ cấu nông nghiệp theo lĩnh vực là trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, và diêm nghiệp.

Nông nghiệp bền vững ngày càng được biết tới và áp dụng qua các mô hình đầu tư bài bản, hệ thống, được lập kế hoạch từ khâu tiền dự án đến đầu ra sản phẩm bởi các tập đoàn lớn như Vingroup, Hòa Phát, Trường Hải... với những tên gọi như nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ... Tuy nhiên, để hướng tới một nền nông nghiệp bền vững thì cần phải nhiều hơn thế. Các doanh nghiệp chỉ đóng vai trò là người tạo ra

sản phẩm, nhưng để có một hệ sinh thái nông nghiệp bền vững thì cần có định hướng chung của nhà nước, các nghiên cứu hệ thống và chuyên sâu của các nhà khoa học, đào tạo ngành nghề, đáp ứng đội ngũ kỹ thuật cao... Hạn chế hiện nay không chỉ thiếu lao động chất lượng cao ở đội ngũ chuyên về kỹ thuật canh tác mà thiếu cả chuyên gia về dinh dưỡng, công nghệ thực phẩm và vai trò của dịch vụ nông nghiệp và du lịch nông nghiệp.

Để nông nghiệp bền vững thực sự là hướng đi, là chiến lược trong phát triển nông nghiệp ở Việt Nam thời gian tới, Việt Nam không chỉ nghiên cứu và áp dụng công nghệ mà cần có sự tham gia của xã hội. Sản phẩm nông nghiệp là sản phẩm của toàn xã hội, nên mỗi người tiêu dùng cũng là một phần của “hệ sinh thái nông nghiệp bền vững”.

4. KẾT LUẬN

Thời gian gần đây, Việt Nam đã tiếp cận với nông nghiệp bền vững, các mô hình

nông nghiệp công nghệ cao với mức đầu tư lớn, nhưng chưa có nhiều nghiên cứu sâu về lý thuyết. Các đầu tư nông nghiệp công nghệ cao chưa thể xem là bền vững nếu các sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ bị bỏ rơi, điều mà các nước đang thực hành nông nghiệp bền vững làm tốt hơn nhiều. Bài viết chỉ là kết quả bước đầu trong nghiên cứu lý thuyết này nên chỉ nhằm mục đích nêu thông điệp chính thế nào là phát triển nông nghiệp bền vững, đồng thời đặt vấn đề cho các nghiên cứu tiếp theo. Việc nghiên cứu sâu hơn nhằm thống nhất cách hiểu nông nghiệp bền vững, từ đó xây dựng các tiêu chí làm cơ sở cho các đánh giá. Bên cạnh đó, khung chế tài cho quá trình vận hành cũng rất quan trọng, bởi lẽ nếu đặt ra tiêu chí nhưng thiếu sự giám sát, kiểm tra thì những đối tượng nông nghiệp chính là nông dân và người tiêu dùng nông sản sẽ là những đối tượng chịu nhiều thiệt hại. □

CHÚ THÍCH

(1) Các lý thuyết nông nghiệp bền vững cùng các mô hình nông nghiệp bền vững được ứng dụng và nhân rộng diễn ra ở các nước Châu Âu và trở thành mô hình tham khảo, học tập của nhiều quốc gia đang phát triển.

(2) Việc gia nhập các hiệp ước thương mại như AFTA, TPP, EAC,... tăng áp lực cạnh tranh trong nước khi nguồn hàng nhập từ các quốc gia có hoạt động nông nghiệp phát triển hơn về công nghệ lẫn thị trường như Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan,... vừa có giá rẻ hơn, mẫu mã đẹp hơn, cách làm thương hiệu tốt hơn,... (xem Bùi Thị Minh Nguyệt và Trần Minh Hùng, 2016).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- Altieri, M.A. 1987. *Agro Ecology the Scientific Basis of Alternative Agriculture*. Intermediate Publications, London, pp. 45-48.
- Bùi Thị Minh Nguyệt và Trần Minh Hùng. 2016. “Phát triển nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập”. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*, số 4, tr.142-151.

3. FAO. 1989. *Sustainable Development and Natural Resources Management*. Rome: Twenty-Fifth Conference, FAO, Paper C 89/2-Sup. 2.
4. Gomiero, T. 2021. "Organic Agriculture: Impact on the Environment and Food Quality". In Charis M. Galanakis. 2021. *Environmental Impact of Agro-Food Industry and Food Consumption*. Academic Press. ISBN 9780128213636.
5. Gomiero, T. và cộng sự. 2011. *Environmental Impact of Different Agricultural Management Practices: Conventional vs. Organic Agriculture*. Critical Reviews in Plant Sciences, 30:1-2, 95-124, DOI: 10.1080/07352689.2011.554355.
6. Harwood, R. R. 1990. *A History of Sustainable Agriculture*. Trong Clive A. Edwards, Sustainable Agricultural Systems. CRC Press, first edition. ISBN9781003070474.
7. Jackson, W. 1980. *New Roots for Agriculture (Farming and Ranching)*. Bison Books, ISBN 9780803275621.
8. Kociszewski, K. 2015. "Theoretical Issues Connected With Sustainable Development of Agriculture". In B. Bartniczak, P. Rogala (eds). *The Responsible Business. Protection, Improvement and Development*. Jelenia Góra: Wyd. Ad Rem.
9. Kociszewski, K. 2018. "Sustainable Development of Agriculture - Theoretical Aspects and their Implications". *Economic and Environmental Studies*. Vol. 18, No.3 (47/2018), pp.1119-1134.
10. Nguyễn Xuân Trạch. 2017. *Phát triển chăn nuôi công nghệ cao bền vững*. https://www.researchgate.net/publication/329387201_Phát_trien_chan_nuoi_cong_nghe_cao_ben_vung, truy cập ngày 10/8/2022.
11. Pretty, J. 2008. *Agricultural Sustainability: Concepts, Principles and Evidence*. Philosophical Transactions of the Royal Society of London B: Biological Sciences, 363, pp. 447-465. <https://doi.org/10.1098/rstb.2007.2163>.
12. Thủ tướng Chính phủ. 2021. *Quyết định 255/QĐ-TTg* về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025. Hà Nội.
13. Von, Meyer H. 1996. "The Environment and Sustainable Development in Rural Europe". *European Conference on Rural Development - Rural Europe – Future Perspectives?* Brussels: European Commission DG VI.
14. Wilkin, J. 2010. "Multifunctionality of Agriculture - A New Approach to the Role of Agriculture in the Economy and Society". In Wilkin J. (Ed.). *Multifunctionality of Agriculture. Research Directions, Methodological Foundations and Practical Implications*. Warszawa: IRWiR PAN.
15. Zegar, J.S. 2003. *Managing Sustainable Socio-Economic Development (Eco-Development)*. Monografie i Opracowania 522. Warszawa: Oficyna Wydawnicza Szkoły Głównej Handlowej.